

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN CHÂU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2023/DS-ST
Ngày: 07-8-2023
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN CHÂU, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Quốc

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Thả;

Bà Thị A Mi Na.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Quốc Việt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Cường – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 72/2023/TLST-DS, ngày 14 tháng 3 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 117/2023/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ B, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của chị L: Anh Vương Sơn H, sinh năm 1984, nơi cư trú: Số C, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ký ngày 09-3-2023) có đơn xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Đặng Minh Q, sinh năm 1988; nơi cư trú: Tổ B, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Anh Phạm Quang L1, sinh năm 1987; nơi cư trú: Tổ B, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện hợp pháp của anh L1: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1983; nơi cư trú: Tổ B, ấp H, xã T, huyện T, tỉnh Tây Ninh là người đại diện theo ủy quyền (Hợp đồng ủy quyền ký ngày 09-6-2023) có đơn xin vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 3 năm 2023 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn cùng người đại diện hợp pháp anh Vương Sơn H trình bày:

Ngày 20-4-2022 chị Nguyễn Thị L có cho anh Đặng Minh Q vay số tiền 50.000.000 đồng, khi vay hai bên thỏa thuận bằng lời nói lãi suất 03%/tháng nhưng không vào giấy nợ, thời hạn vay đến ngày 20-5-2022 trả lại, mục đích vay anh Q nói để kinh doanh, buôn bán. Đến hạn trả nợ do anh Q không có tiền nên không trả cho chị L và chị L có đến nhà yêu cầu nhiều lần nhưng anh Q vẫn không trả.

Nay chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Quang L1 yêu cầu một mình anh Đặng Minh Q trả cho chị số tiền nợ gốc 50.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật từ ngày 21-5-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, tạm tính 5.000.000 đồng. Ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Bị đơn anh Đặng Minh Q có ý kiến:

Anh có vợ nhưng đã ly hôn vào khoảng tháng 4-2023, vợ chồng không có nhà riêng mà sống chung với cha mẹ ruột là ông Đặng Văn H1, bà Đào Thị L2. Anh có biết Tòa án mời giải quyết vụ chị L kiện anh về việc cho anh vay tiền. Tuy nhiên do anh nghĩ không có vay tiền của chị L, anh L1 nên không về, giả lại bận đi làm.

Chị Nguyễn Thị L khởi kiện anh yêu cầu trả số tiền vay 50.000.000 đồng và cung cấp giấy nhận nợ, đề ngày 20-4-2022 thì anh có ý kiến như sau:

Anh không có vay tiền của chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Quang L1 mà anh chỉ vay tiền của anh B (họ tên đầy đủ anh không biết, hiện nay đang chấp hành án không biết ở đâu), số tiền 50.000.000 đồng, mục đích vay trả tiền cho việc đánh bạc (đá gà nhưng không ai làm chứng), thời hạn vay không có, lãi suất thỏa thuận 05%/ngày, khi vay có làm giấy tờ với B, nguồn tiền từ đâu anh B cho vay thì anh không biết. Hiện nay chưa trả được gốc và tiền lãi cho B và anh biết anh B có quen với chị L, anh L1.

Đối với giấy nợ do chị L cung cấp cho Tòa án thì chữ ký, dấu vân tay trong giấy này là của anh, nhưng giấy nợ này viết với B, khi viết nhận nợ với B thì không có chữ viết và chữ ký của chị L, anh L1, chỉ ghi số tiền vay 50.000.000 đồng với anh ký tên và in dấu vân tay vào giấy nợ, còn các nội dung khác thì ghi sau, anh chỉ ký 01 giấy nợ với B không ký giấy nào khác. Do anh thừa nhận chữ ký trong giấy này là của anh nên không yêu cầu giám định chữ ký, dấu vân tay và chữ viết trong giấy này.

Nay anh không đồng ý trả số tiền trên cho chị L, anh L1 mà chỉ đồng ý trả số tiền gốc 50.000.000 đồng cho anh B nhưng xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng, xin không trả tiền lãi; trường hợp anh B chấp hành án chưa về thì giao tiền cho người thân của B cụ thể là ba của B tên H (họ tên đầy đủ không biết, nhà ở ấp H, xã T).

Người đại diện hợp pháp của anh Phạm Quang L1, chị Nguyễn Thị L có ý kiến: Chị với anh L1 là vợ chồng, anh L1 thống nhất với yêu cầu của chị, không bổ sung gì thêm.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án. Anh Vương Sơn H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; chị Nguyễn Thị L là người đại diện hợp pháp của anh Phạm Quang L1 có đơn xin vắng mặt và anh Đặng Minh Q là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xử vắng mặt anh H, chị L và anh Q là phù hợp theo quy định tại các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào lời khai của các đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được Thẩm phán công khai khi giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa thì yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L là có cơ sở chấp nhận. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, xử theo hướng:

+ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Đặng Minh Q về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Đặng Minh Q có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Quang L1 số tiền nợ 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 21-5-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, với mức lãi 0,83%/tháng.

+ Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đặng Minh Q phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, xét thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Anh Vương Sơn H là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn xin vắng mặt; chị Nguyễn Thị L là người đại diện hợp pháp của anh Phạm Quang L1 có đơn xin vắng mặt và anh Đặng Minh Q là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt anh H, chị L và anh Q.

[2] Về nội dung tranh chấp: Xét thấy, chị Nguyễn Thị L khởi kiện yêu cầu anh Đặng Minh Q có nghĩa vụ trả lại số tiền nợ 50.000.000 đồng và tiền lãi từ ngày 21-5-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 0,83%/tháng. Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Đặng Minh Q không thừa nhận có vay tiền của chị L, anh L1 nhưng thừa nhận chữ ký, dấu vân tay trong giấy nợ do chị L cung cấp là của anh Q.

Xét yêu cầu khởi kiện của chị L, Hội đồng xét xử nhận định: Khi khởi kiện chị L cung cấp chứng cứ, chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình là giấy vay tiền, đề ngày 20-4-2022 có nội dung “*Tôi tên Phạm Minh Q1, sinh năm 1988 có vay của chị Nguyễn Thị L, số tiền 50.000.000 đồng...*”, tại bút lục số 22, anh Đặng Minh Q thừa nhận chữ ký, dấu vân tay trong giấy nợ nêu trên là của anh không có ý kiến gì khác nên căn cứ Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là chứng cứ hợp pháp dùng để giải quyết vụ án.

[3] Xét chứng cứ là giấy vay tiền do chị L cung cấp thấy rằng, anh Q không thừa nhận có giao dịch vay tiền của chị L, anh L1 mà có vay tiền của anh B; anh Q cũng thừa nhận chữ ký và dấu vân tay trong giấy vay tiền, đề ngày 20-4-2022 là của anh. Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện hợp pháp của chị L thừa nhận số tiền 50.000.000 đồng cho anh Q vay là chị L giao cho B nhờ đưa cho anh Q và ký giấy nợ với chị chứ không phải anh Q vay của anh B; anh Q trình bày vay tiền của anh B nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh và thừa nhận chữ ký và dấu vân tay trong chứng cứ mà chị L cung cấp là của mình. Từ đó cho thấy giữa chị Nguyễn Thị L và anh Đặng Minh Q có giao kết hợp đồng vay tiền với nhau, khi giao kết hai bên tự nguyện, có lập hợp đồng, nội dung hợp đồng các bên thỏa thuận tài sản vay là số tiền 50.000.000 đồng và có thỏa thuận thời hạn trả nợ nên việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp với quy định tại Điều 463 của Bộ luật Dân sự. Trong quá trình giải quyết vụ án anh Q thừa nhận chưa trả được số tiền gốc 50.000.000 đồng nên chị L khởi kiện yêu cầu một mình anh Q trả nợ là có căn cứ chấp nhận và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật Dân sự.

[4] Xét yêu cầu tính tiền lãi của chị L, thấy rằng: Tại giấy mượn nợ, đề ngày 20-4-2022, không thỏa thuận lãi suất nhưng có thỏa thuận thời hạn trả nợ là đến hết ngày 20-5-2022 nên chị L có quyền yêu cầu tính tiền lãi suất từ ngày 21-5-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm, theo mức lãi suất 0,83%/tháng là phù hợp với Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11-01-2019 của Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao, hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, tiền lãi được xem xét tính như sau: Số tiền vay gốc 50.000.000 đồng, từ ngày 21-5-2022 đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 07-8-2023) là 14 tháng 17 ngày $\times 0,83\% = 6.045.000$ đồng;

[5] Xét lời trình bày của anh Q cho rằng mục đích vay số tiền 50.000.000 đồng dùng vào việc đánh bạc (đá gà) nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh nên không có căn xem xét. Đối với việc xin trả dần mỗi tháng 3.000.000 đồng

cho đến khi hết nợ nhưng không được chị L đồng ý và yêu cầu này thuộc thẩm quyền của Cơ quan Thi hành án dân sự nên không có cơ sở chấp nhận.

[6] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[7] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Đặng Minh Q về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Đặng Minh Q có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Quang L1 số tiền nợ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 6.045.000 (sáu triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

[8] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đặng Minh Q phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với số tiền được Tòa án chấp nhận theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 463, 466 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị L đối với anh Đặng Minh Q về tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Buộc anh Đặng Minh Q có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị L, anh Phạm Quang L1 số tiền nợ 50.000.000 (năm mươi triệu) đồng và tiền lãi 6.045.000 (sáu triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi 56.045.000 (năm mươi sáu triệu, không trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Đặng Minh Q phải chịu 2.802.000 (hai triệu, tám trăm lẻ hai nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị L không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; hoàn trả cho chị L 1.375.000 (một triệu, ba trăm bảy mươi lăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp theo biên lai thu số 0007990 ngày 14 tháng 3 năm 2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Châu, tỉnh Tây Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị L, anh Đặng Minh Q, anh Phạm Quang L3 có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh (Phòng KT-NV);
- VKSND huyện Tân Châu;
- CC. THADS huyện Tân Châu;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thanh Quốc